TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-10-2018
V/v: Kiện xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Chi.
2. Bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim D, sinh năm 1983.**

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981.**

Cùng địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị D, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

∗ Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Phạm Thị Kim D và anh Nguyễn Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 02/02/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn đặc biệt sâu sắc từ sau khi vợ chồng mua đất, anh T mâu thuẫn sâu sắc với gia đình nhà vợ, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi, chửi nhau. Nay chị D xác định không thể tiếp tục cuộc

hôn nhân được nữa nên xin ly hôn. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị D, anh T đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị D và anh T cùng thống nhất, vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 09/7/2004 (con gái) và Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/6/2010 (con trai). Khi ly hôn, chị D và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung và chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D hiện đang làm giáo viên tại trường mầm non Thanh T, thành phố P, tỉnh Hà Nam với mức thu nhập khoảng 4.500.000 đồng/tháng.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị D không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà hôm nay: Chị D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Chị có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung của vợ chồng, trong trường hợp chỉ được nuôi một con chung thì chị xin nuôi cháu Nguyễn Minh T vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

-Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiệnchưa thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D với anh T. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T.

2/ Giao cháu Nguyễn Minh T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Minh A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3/ Về con nuôi, con riêng, tài sản chung, công nợ: Anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D, anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử (HĐXX), thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kim D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

[2] Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Kim D và anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày02/02/2004 tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D, HĐXX thấy:

Sau kết hôn vợ chồng chị D và anh T đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có hai con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị D cho rằng nguyên nhân do anh T thường xuyên bạo lực tinh thần và thể xác vợ, còn nguyên nhân anh T đưa ra là do mâu thuẫn với gia đình nhà vợ. Tuy nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của anh chị khai có khác nhau nhưng anh chị đều công nhận tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt không thể đoàn tụ trở lại.Vợ chồng tuy vẫn sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ tháng 6/2018 đến nay là sự thật, được đôi bên thừa nhận. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị D và anh T không đạt được mục đích hôn nhân hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều

54, 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận xử thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 09/7/2004 (con gái) và Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/6/2010 (con trai). Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị D và anh T, HĐXX thấy: Nguyện vọng xin nuôi con chung của hai bên là chính đáng, anh T và chị D đều có thu nhập và đảm bảo điều kiện nuôi con chung nên theo các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao mỗi người nuôi dưỡng một con chung. Tuy nhiên xét về điều kiện mọi mặt để chăm sóc và nuôi dạy con chung của các bên, thấy do cháu Nguyễn Minh T còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc đặc biệt của người mẹ, hơn nữa tại phiên tòa chị D có quan điểm nếu chỉ được nuôi một con thì chị xin nuôi cháu Nguyễn Minh T.Theo đó chị D nuôi con chung thứ hai là Nguyễn Minh T, anh T nuôi con chung thứ nhất là Nguyễn Minh A. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cho nhau là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị D không có thai nghén gì.

[6] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung, công sức đóng góp: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 143; 144; 147; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim D và anh Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 09/7/2004 (con gái). Giao chị Phạm Thị Kim D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc

và giáo dục con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/6/2010 (con trai). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị D không có thai nghén gì

3/ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung, công sức đóng góp: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D và anh T mỗi người phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ . Chấp nhận sự tự nguyện của chị D nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001835 ngày 25/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị D đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị D có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND phường T, TP P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Duy